

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v Ly hôn, trAh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Cường và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: ông Nguyễn Tuấn Ah - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đào Thị T - sinh năm 1990; có mặt.

2. Bị đơn: Ah Nguyễn Tiến D - sinh năm 1987; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Tp, xã Ttp, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2021, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đào Thị T trình bày:* chị và Ah Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ttp, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 12/9/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quA điểm, Ah D ham chơi bời, nghiện ma túy, không quA tâm đến gia đình, vợ, con, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã nhiều lần tự giải quyết với nhau, gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều lần, nhưng không cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không quA tâm đến nhau và chấm

dứt mọi quA hệ tình cảm. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và Ah D. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc V - sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Ngọc A N - sinh ngày 27/12/2019, hiện các cháu đAg ở với chị. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả ba cháu cho chị nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu Ah D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn - Ah Nguyễn Tiến D:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TL đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho Ah D biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho Ah D đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Ah D đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án thể không yêu cầu Ah D làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với Ah D và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

** Tại bản tự khai ngày 26/8/2021, cháu Nguyễn Ngọc V (con của chị T và Ah D) trình bày:* trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

** Xác minh tại chính quyền, đoàn thể xã Ttp xác định:* chị Đào Thị T và Ah Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ttp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2007. Sau khi kết hôn, Ah chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng thời giA gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quA điểm trong cuộc sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Ah D chơi bời và trước đây từng nghiện hút, không chịu làm ăn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. QuA điểm của đại diện, đoàn thể, chính quyền địa phương xác định: mâu thuẫn giữa Ah chị xảy ra là thực tế, kéo dài và hiện Ah chị đã sống ly thân, nên khả năng đoàn tụ là rất khó. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho Ah chị được ly hôn theo quy định của pháp luật. Về việc chuyển giao giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn - Ah Nguyễn Tiến D: UBND xã Ttp đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án huyện TL đối với Ah Nguyễn Tiến D nhờ UBND xã giao giấy triệu tập cho Ah D. Bản thân Ah D hiện đAg cư trú tại địa phương, thường không có nhà. Trong các lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án, UBND xã đều đã cử cán bộ đến tổng đạt trực tiếp cho Ah D, nhưng có lúc Ah D không có nhà nên đã giao cho người thân của Ah D nhận thay giấy triệu tập và cam kết có trách nhiệm giao giấy triệu tập cho Ah D. Còn lý do Ah D không đến Tòa án làm việc thì UBND xã không nắm được.

**** Tại phiên toà:***

- Chị T giữ nguyên quA điểm về việc xin ly hôn với Ah D và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu Ah D phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, công nợ và các vấn đề khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và Ah Nguyễn Tiến D. Về con: giao các cháu Nguyễn Ngọc V - sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Ngọc A N - sinh ngày 27/12/2019 cho chị Đào Thị T nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Ah Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con; các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đào Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đào Thị T có cơ sở xác định qua hệ pháp luật tra soát chấp là “Ly hôn, tra soát chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là Ah Nguyễn Tiến D hiện đăng cư trú tại thôn Tp, xã Ttp, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về qua hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Đào Thị T và Ah Nguyễn Tiến D là tự nguyện và hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng qua điểm trong cuộc sống, Ah D chơi bời, không qua tâm đến vợ con cũng như cuộc sống của vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn qua tâm đến nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng nhiều lần đã tự giải quyết với nhau, gia đình khuyên nhủ nhiều lần, nhưng không thành. Trong đơn xin ly hôn ngày 03/7/2020 của chị Đào Thị T viết, thì Ah D cũng đã ký vào đơn, thể hiện ý chí của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và Ah D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn Ah D là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đào Thị T và Ah Nguyễn Tiến D có 03 con chung là Nguyễn Ngọc V - sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Ngọc A N - sinh ngày 27/12/2019, hiện các cháu đAg ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu A và cháu N còn nhỏ tuổi, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; cháu V có nguyện vọng được ở với chị T. Hiện tại, cả 03 cháu đAg sống ổn định cùng chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt. Bản thân chị T có công việc, thu nhập ổn định hàng tháng; còn Ah D thường vắng mặt tại địa phương, không quA tâm đến các con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu Ah D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về công nợ:

Trong quá trình xác minh, giải quyết vụ án, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TL (Ngân hàng CSXH) cung cấp: căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn của hộ chị Đào Thị T, ngày 05/6/2019, Ngân hàng CSXH cho hộ chị T vay số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng vào việc xây bể nước sạch và nhà vệ sinh và ngày 04/10/2020, cho hộ chị T vay số tiền 50.000.000 đồng để sử dụng vào việc chăn nuôi lợn nái, sửa chữa chuồng trại. Quá trình vay vốn cũng như sử dụng vốn vay, hộ chị T đã sử dụng đúng mục đích, trả lãi đầy đủ, đúng quy định. QuA điểm của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TL không đề nghị Tòa án giải quyết công nợ của hộ chị T và Ah D trong vụ án hôn nhân và gia đình và cũng không có ý kiến gì đối với việc giải quyết của Tòa án. Do đó, Tòa án không đưa Ngân hàng CSXH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị T cũng không yêu cầu giải quyết về công nợ, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Đào Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và Ah Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Ngọc V - sinh ngày 24/10/2009, Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Ngọc A N - sinh ngày 27/12/2019 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Ah Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đào Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005020 ngày 27/7/2021.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã Ttp, huyện TL;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh